

10 ĐỀ ÔN TẬP MÔN TV LỚP 5

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 1

Bài 1: Đặt câu với mỗi từ đồng nghĩa sau:

- a) Ăn, xơi; b) Biếu, tặng. c) Chết, mất.

Bài 2: Điền từ đồng nghĩa thích hợp vào những câu sau.

- Các từ cần điền: *cuồn cuộn, lẫn tẩn, nhấp nhô*.

- Mặt hồ ... gợn sóng.

- Sóng biển ...xô vào bờ.

- Sóng lượn ...trên mặt sông.

Bài 3:Đặt câu với mỗi từ sau: *cấp, ôm, bê, bùng, đeo, vác*.

.....

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 2

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa trong các câu sau:

a) Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ

Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi.

b) Việt Nam đất nước ta ơi!

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

c) Đây suối Lê-nin, kia núi Mác

Hai tay xây dựng một sơn hà.

d) Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió

Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông

Bài 2: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: Bé bỏng, nhỏ con, bé con nhỏ nhắn.

a) Còn.....gì nữa mà nũng nịu.

b)lại đây chú bảo!

c) Thân hình.....

d) Ngườinhưng rất khỏe.

Bài 3: Ghi tiếng thích hợp có chứa âm: g/gh; ng/ngh vào đoạn văn sau:

 Gió bắc thật đáng ...ét

 Cái thân ...ây khô đét

 Chân tay dài ...êu...ao

 Chỉ ...ây toàn chuyện dữ

 Vật trụi xoan trước ..õ

 Rồi lại ...é vào vườn

 Xoay luống rau ...iêng...ả

 Gió bắc toàn ...ịch ác

 Nên ai cũng ...ại chơi.

Tiếng Việt 5- ĐỀ 3

Bài 1: Tìm các từ đồng nghĩa.

a. Chỉ màu vàng.

b. Chỉ màu hồng.

c. Chỉ màu tím.

Bài 2: Đặt câu với một số từ ở bài tập 1.

Bài 3: Đặt câu với từ: xe lửa, tàu hoả, máy bay, tàu bay.

Xe lửa 8 giờ sáng vào Vinh rồi.

.....

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 4

Bài 1: Đặt câu với các từ:

- a) Cẩn cù. b) Tháo vát.

Bài 2: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm trong những câu sau: (các từ cần điền: *vẻ vang, quai, nghề, phân, làm*)

- a) Tay làm hàm nhai, tay... miệng trề.
b) Có... thì mới có ăn,
c) Không dung ai dễ mang... đến cho.
d) Lao động là...
g) Biết nhiều..., giỏi một....

Bài 3: (HSKG)

Em hãy dùng một số từ ngữ đã học, viết một đoạn văn ngắn từ 3 – 5 câu nói về một vấn đề do em tự chọn.

- GV đánh giá và nhận xét, tuyên dương bạn viết hay.

Ví dụ: Trong xã hội ta có rất nhiều ngành nghề khác nhau. Bác sĩ là những người thầy thuốc, họ thường làm trong các bệnh viện, luôn chăm sóc người bệnh. Giáo viên lại là những thầy, cô giáo làm việc trong các nhà trường, dạy dỗ các em để trở thành những công dân có ích cho đất nước. Còn công nhân thường làm việc trong các nhà máy. Họ sản xuất ra những máy móc, dụng cụ phục vụ cho lao động... Tất cả họ đều có chung một mục đích là phục vụ cho đất nước.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 5

Bài 1: Tìm từ trái nghĩa trong đoạn văn sau.

- a) Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay,
Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.
b) Đời ta gương vỡ lại lành
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa.

c) Đắng cay nay mới ngọt bùi

Đường đi muôn dặm đã ngời mai sau.

d) Nơi hầm tối lại là nơi sáng nhất

Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam.

Bài 2: Tìm những cặp từ trái nghĩa trong các câu tục ngữ sau.(gạch chân)

Lá lành đùm lá rách.

Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.

Chết đứng còn hơn sống quỳ.

Chết vinh còn hơn sống nhục.

Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.

Bài 3. Tìm từ trái nghĩa với các từ: hiền từ, cao, dũng cảm, dài, vui vẻ, nhỏ bé, bình tĩnh, ngăn nắp, chậm chạp, sáng sủa, chăm chỉ, khôn ngoan, mới mẻ, xa xôi, rộng rãi, ngoan ngoãn...

Bài 4: Viết 1 đoạn văn tả cảnh 1 buổi sáng (trưa hoặc chiều) trên cánh đồng, trong vườn, làng xóm.

Tiếng Việt 5- ĐỀ 6

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa trong đoạn văn sau:

a) Đất nước ta giàu đẹp, non sông ta như gấm, như vóc, lịch sử dân tộc ta oanh liệt, vẻ vang. Bởi thế mỗi người dân Việt Nam yêu nước dù có đi xa quê hương, xứ sở tới tận chân trời, góc bể cũng vẫn luôn hướng về Tổ Quốc thân yêu với một niềm tự hào sâu sắc...

b) Không tự hào sao được! Những trang sử kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ oai hùng của dân tộc ta rờn rã trong suốt 30 năm gần đây còn ghi lại biết bao tấm gương chiến đấu dũng cảm, gan dạ của những con người Việt Nam anh dũng, tuyệt vời...

Bài 2: Đặt câu với mỗi từ sau:

a) Vui vẻ.

b) Phấn khởi.

- c) Bao la.
- d) Bát ngát.
- g) Mênh mông.

Bài 3: Tìm từ trái nghĩa với các câu tục ngữ, thành ngữ sau:

- a) Gạn đục, khơi trong
 - b) Gắn mực thì đen, gắn đèn thì rạng
 - c) Ba chìm bảy nổi, chín lênh đênh.
 - d) Anh em như thể tay chân
- Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 7

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa với từ :

Hoà bình

Bài 2: Đặt câu với mỗi từ tìm được ở bài tập 1.

Bài 3: Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 5 - 7 câu miêu tả cảnh thanh bình của quê em.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 8

Bài 1: Tìm từ đồng âm trong mỗi câu sau và cho biết nghĩa của mỗi từ.

- a. Bác(1) bác(2) trúng.
- b. Tôi(1) tôi(2) vui.
- c. Bà ta đang la(1) con la(2).
- d. Mẹ tôi trút giá(1) vào rổ rồi để lên giá(2) bếp.
- e. Anh thanh niên hỏi giá(1) chiếc áo len treo trên giá(2).

Bài 2: Đặt câu để phân biệt từ đồng âm: **đỏ, lợi, mai, đánh.**

- a. Đỏ:
- b. Lợi:
- c. Mai:
- d. Đánh:

Bài 3: Đọc em biết câu sau có viết có đúng ngữ pháp không?

Con ngựa đá con ngựa đá.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 9

Bài 1: Các câu sau đã sử dụng từ đồng âm nào để chơi chữ? Hãy gạch chân.

- a) Chín người ngồi ăn nồi cơm chín.
- b) Đừng vội bác ý kiến của bác.

c) Mẹ em đỗ xe lại mua cho em một nắm xôi đỗ.

d) Bố tôi vừa mới tôi xong một xe vôi.

Bài 2: Tìm từ đồng âm với mỗi từ sau: *đá, là, rải, đường, chiếu, cày*, đặt câu với mỗi từ đó và giải thích.

a) *Đá* b) *Đường* c) *Là* d) *Chiếu* e) *Cày*

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 10

Bài 1: Mỗi câu dưới đây có mấy cách hiểu? Hãy diễn đạt cho rõ nghĩa trong từng cách hiểu (Có thể thêm từ)

a) Mời các anh ngồi vào **bàn**.

b) Dem cá về kho.

Bài 2 : Từ **đi** trong các câu sau, câu nào mang nghĩa gốc, câu nào mang nghĩa chuyển ?

a) Ca nô đi nhanh hơn thuyền.

b) Anh đi ô tô, còn tôi đi xe đạp.

c) Bà cụ ốm nặng đã đi từ hôm qua.

d) Thằng bé đã đến tuổi đi học.

e) Nó chạy còn tôi đi.

g) Anh đi con mã, còn tôi đi con tốt.

h) Ghế thấp quá, không đi với bàn được.

Bài 3: Thay thế từ **ăn** trong các câu sau bằng từ thích hợp :

a) Tàu ăn hàng ở cảng.

b) Cậu làm thế để ăn đòn lắm.

c) Da bạn ăn phấn lắm.

d) Hồ dán không ăn giấy.

e) Hai màu này rất ăn nhau.

g) Rễ cây ăn qua chân tường.

h) Mảnh đất này ăn về xã bên.

k) Một đô la ăn mấy đồng Việt Nam?

